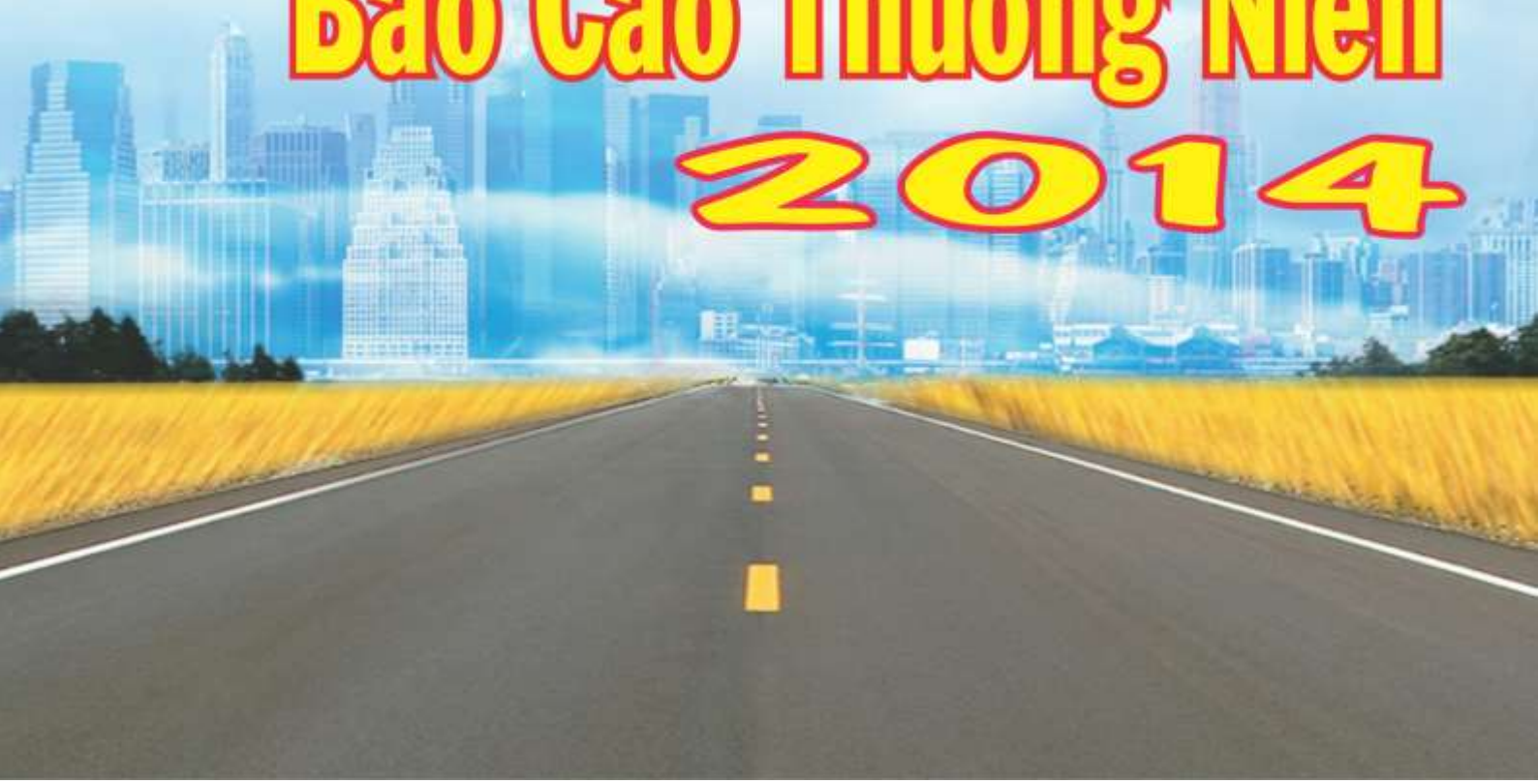


CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM



Chất lượng đích thực

**Báo Cáo Thường Niên
2014**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh : VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch : VIETNAM FUMIGATION COMPANY
Tên viết tắt : VFC
Giấy CNĐKKD : Số 0302327629 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 5 năm 2013
Vốn điều lệ : 132.827.530.000 đồng
(Một trăm ba mươi hai tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng)
Trụ sở chính : 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM
Điện thoại : (84-8) 3822 8097
Fax : (84-8) 3822 8097
Website : www.vfc.com.vn
Mã cổ phiếu : VFG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1993 Hợp nhất các tổ chức Khử trùng thuộc Cục BVTV thành lập Công ty Khử trùng Việt Nam (VFC) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm với ngành nghề kinh doanh chính khử trùng hàng hóa xuất khẩu;

Năm 1994 tham gia kinh doanh nhập khẩu nông dược, trở thành nhà phân phối của các công ty nông dược hàng đầu thế giới Zeneca, Ciba, Russel, Aventis, Kumiai, FMC;

Năm 1999 Bắt đầu cổ phần hóa bộ phận nông dược;

Năm 2001 hoàn tất việc cổ phần hóa toàn bộ công ty, trở thành công ty cổ phần đầu tiên trong ngành khử trùng và nông dược;

Năm 2006 Nhà nước bán hết phần vốn cổ phần tại công ty. Cơ cấu vốn VFC chỉ bao gồm của CB-CNV và cổ đông ngoài;

Năm 2007 Thực hiện sát nhập với công ty CP Đầu tư Hồng Đức trở thành Công ty đại chúng từ ngày 26/7/2007;

Năm 2008 Trụ sở chính tòa nhà VFC Tower và Khách sạn Novotel Nha Trang chính thức đi vào hoạt động, đánh dấu bước đi mới bên cạnh các hoạt động ngành nghề kinh doanh truyền thống;

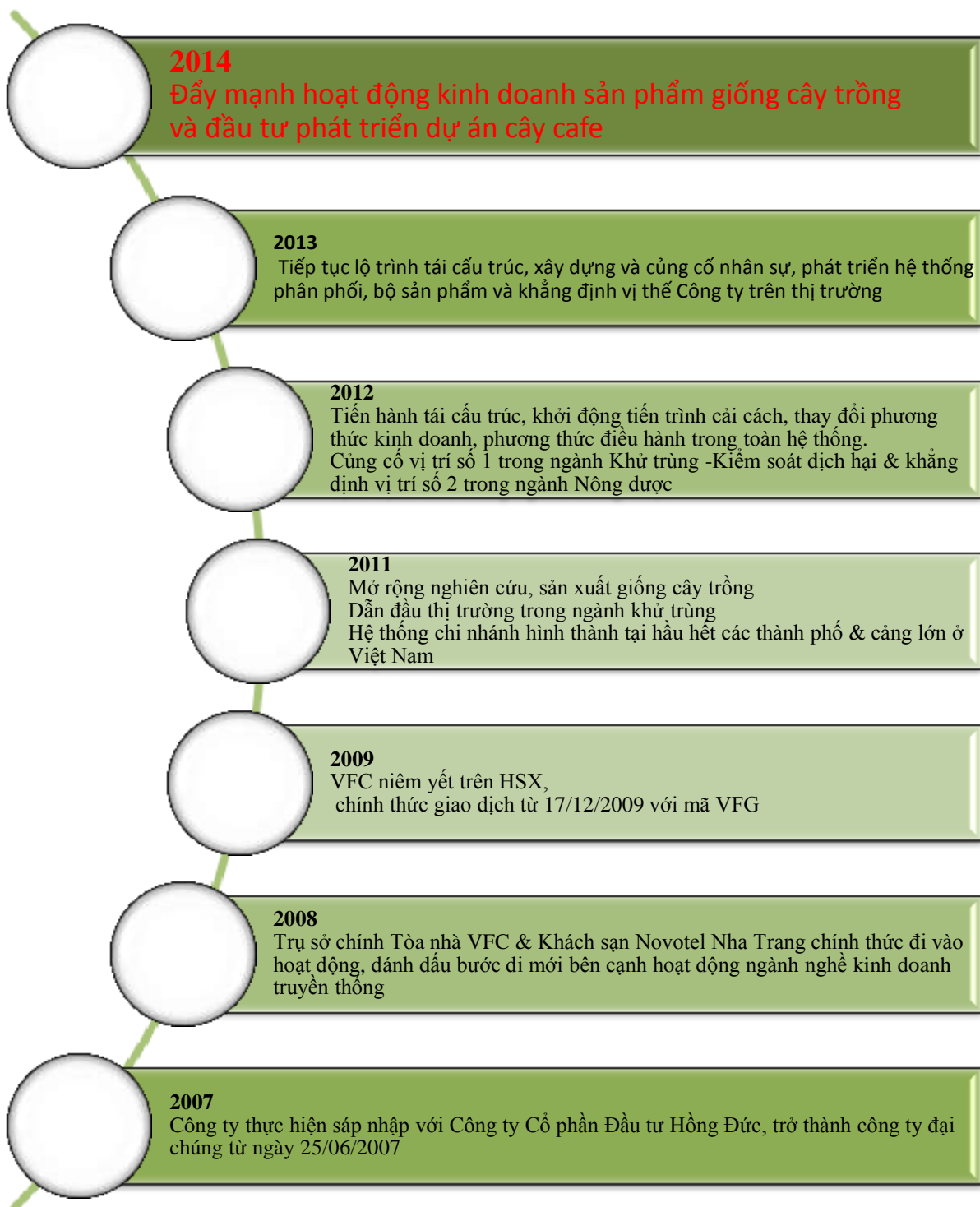
Năm 2009 VFC niêm yết trên HOSE, chính thức giao dịch từ ngày 17/12/2009 với mã VFG;

Năm 2011 Mở rộng nghiên cứu sản xuất và kinh doanh giống cây trồng. từ tháng 8/2011 VFC chính thức trở thành nhà phân phối sản phẩm giống cho công ty Syngenta;

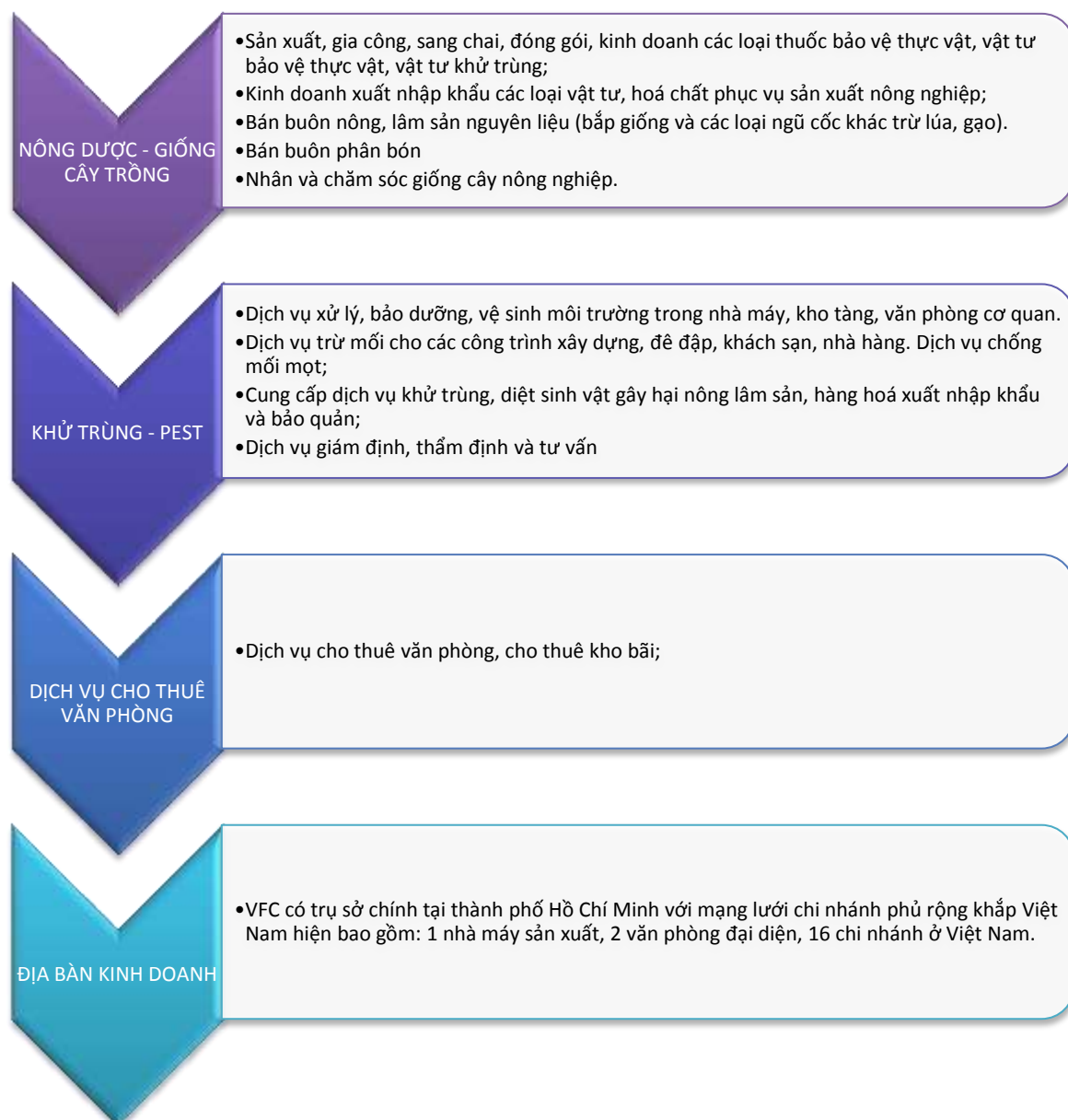
Năm 2012 Tiến hành tái cấu trúc, khởi động tiến trình cải cách, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống;

Năm 2013 Tiếp tục lộ trình tái cấu trúc, xây dựng và củng cố nhân sự, phát triển hệ thống phân phối, bộ sản phẩm và khẳng định vị thế công ty trên thị trường;

Năm 2014 Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sản phẩm giống cây trồng và đầu tư phát triển dự án cây cafe.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



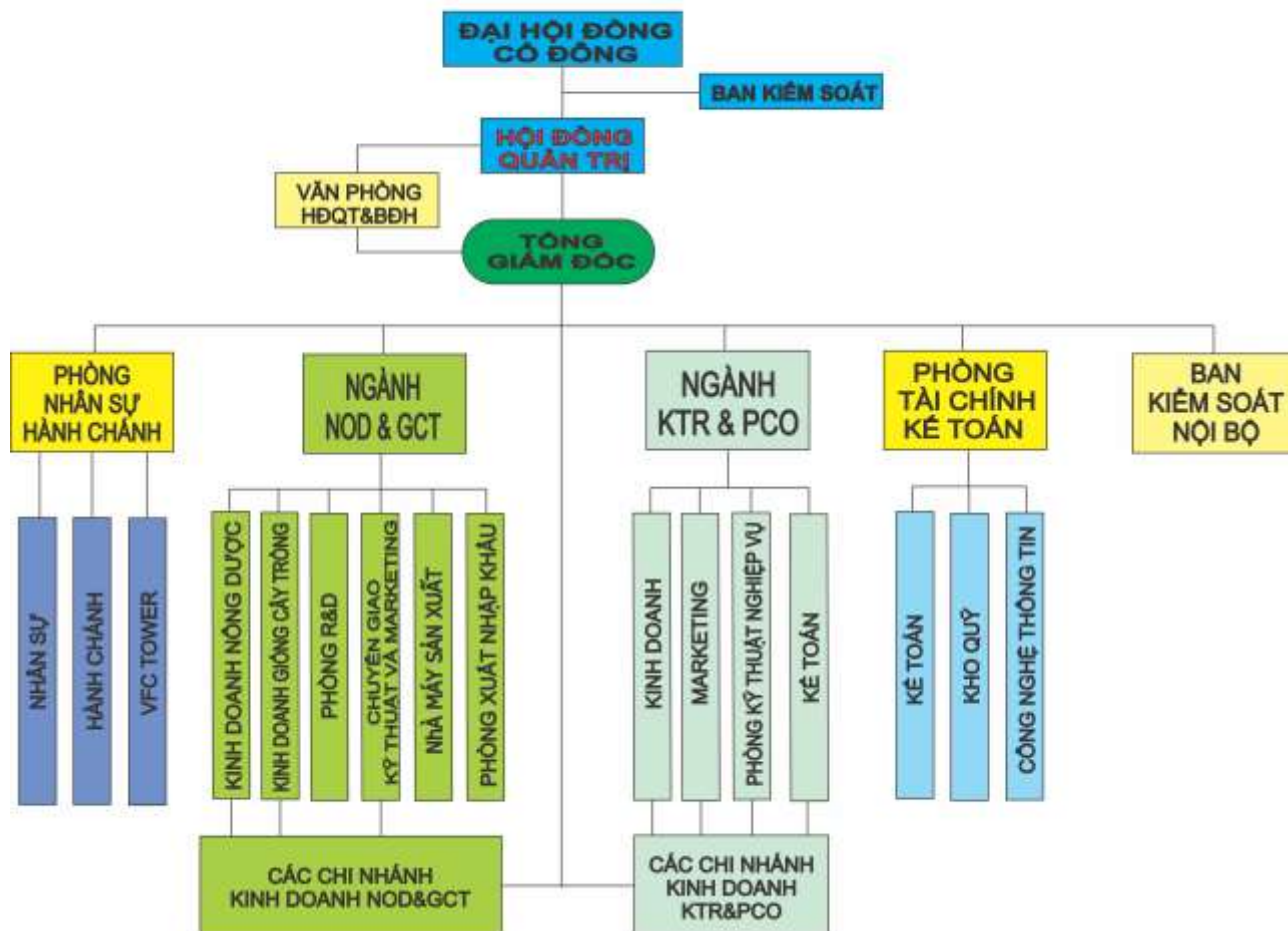
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị: Quy chế quản trị của Công ty VFC được xây dựng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ tài chính;

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Điều hành: gồm Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng Giám Đốc;
- Giám đốc ngành (Nông dược và Giống Cây trồng, Khử trùng và kiểm soát dịch hại): do 2 Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm;
- Các Chi nhánh là các điểm kinh doanh và thực hiện báo cáo theo cơ chế ngành dọc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Bên có liên quan	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất	Vốn điều lệ thực góp (Đvt: đồng)	Tỷ lệ sở hữu
01	Công ty TNHH Hải Yến (công ty liên doanh)	50 Trần Phú, Nha Trang Khánh Hòa	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng	179.514.814.098	*
02	Công ty CP TM Nông nghiệp Sông Mê Kông (công ty liên doanh)	Đồng Tháp		13.790.000.000	40%

* Chưa xác định chính thức

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu, kế hoạch chủ yếu của Công ty:

5.1.1. Công tác tổ chức - nhân sự:

- Cơ cấu lại đội ngũ lao động theo hướng trẻ hóa, quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nắm giữ vị trí quan trọng nhằm tăng khả năng thích ứng, nắm bắt kịp yêu cầu phát triển của Công ty.
- Cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng linh hoạt nhằm mang lại sự công bằng và thu hút người lao động giỏi và phát huy sự cống hiến của người lao động.
- Tuyển dụng; bố trí; sắp xếp lại lao động các cấp để đáp ứng kịp thời nguồn lao động phục vụ yêu cầu phát triển của công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề của người lao động

- nhằm mang lại hiệu quả làm việc ngày càng cao hơn.
- e. Công tác tổ chức và quản lý:
 - + Tiếp tục cải tiến, thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành công ty. Rà soát và sắp xếp, cơ cấu lại mô hình tổ chức, theo hướng trẻ hóa phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược.
 - + Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, đơn vị trong công ty.
- 5.1.2. Doanh thu, thị phần và Lợi nhuận:
- a. Doanh số tăng trưởng bình quân hàng năm 10 -12% . Thị phần chung giữ vững và tăng trưởng từ 7%-10%.
 - b. Lợi nhuận: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt bình quân từ 6%-7%/năm.
- 5.1.3. Bộ sản phẩm, dịch vụ:
- a. Củng cố bộ sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tăng sức cạnh tranh.
 - b. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm sản phẩm, phát triển mới các dịch vụ để bổ sung đáp ứng các nhu cầu phòng trừ và kiểm soát dịch hại.
 - c. Rà soát và chuẩn hóa các quy chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hàng xuất khẩu và tiêu chuẩn sản phẩm hợp quy.
- 5.1.4. Hệ thống phân phối, kênh bán hàng:
- a. Hệ thống Chi Nhánh, cửa hàng, kho bãi:
 - + Quy hoạch Hệ thống Chi Nhánh đảm bảo cung ứng sản phẩm, dịch vụ kịp thời và hiệu quả.
 - + Quy hoạch lại Hệ thống nhà kho, bãi chứa hàng hóa đảm bảo sức chứa và thuận lợi trong giao hàng và quản lý vật tư, hàng hóa.
 - + Tổ chức lại công tác điều phối hàng hóa, cải tiến cơ chế quản lý và điều phối hàng.
 - b. Hệ thống Đại lý cấp 1 và cấp 2:
 - + Chọn lọc Hệ thống mạng lưới đại lý cấp 1 và cấp 2 để nâng cao chất lượng và hiệu quả phân phối sản phẩm, dịch vụ.
 - + Mở rộng Hệ thống mạng lưới Đại lý cấp 1 và cấp 2 tại các thị trường trọng điểm và thị trường mới để tăng độ phủ thị trường.
- 5.1.5. Chính sách bán hàng:
- a. Xây dựng và điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo từng khu vực địa bàn, từng nhóm khách hàng mục tiêu mang lại hiệu quả cao cho Hệ thống phân phối.
 - b. Cải tiến công tác quản lý và thanh lý chính sách bán hàng đáp ứng kịp thời và tăng lợi ích cho Đại lý.
- 5.1.6. Công tác Marketing:
- a. Công tác Marketing trực tiếp:
 - + Xây dựng các chương trình, hoạt động tạo lực hút trực tiếp marketing gắn với thị trường và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.
 - + Đa dạng hóa hình thức hoạt động marketing và linh hoạt các hoạt động truyền thông.
 - b. Công tác Marketing gián tiếp:
 - + Tăng cường các chương trình tài trợ, ủng hộ các hoạt động y tế, giáo dục cho đối tượng vùng sâu, vùng xa, dân nghèo, hoàn cảnh khó khăn, cộng đồng nhằm củng cố thương hiệu công ty.
 - + Tham gia các hoạt động, diễn đàn, hiệp hội nghề nghiệp...
- 5.1.7. Công tác quan hệ:
- a. Với cổ đông:
 - + Tăng cường công tác quan hệ cổ đông, cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin về hoạt động của công ty.
 - + Đảm bảo mức cổ tức cao hàng năm cho cổ đông và giá trị doanh nghiệp ngày

càng tăng.

- b. Với đối tác chiến lược và đối tác khác:
 - + Tăng cường mối quan hệ và hợp tác, chia sẻ với đối tác chiến lược.
 - + Gắn kết các hoạt động kinh doanh và sứ mạng của đối tác chiến lược và công ty.
 - + Cam kết thực hiện tốt những thỏa thuận với các đối tác khác.
- c. Với cơ quan quản lý, khoa học kỹ thuật:
 - + Tăng cường mối quan hệ và hợp tác truyền thống với các cơ quan quản lý, các nhà khoa học trong các chương trình và nhiệm vụ quản lý của nhà nước.
- d. Đoàn thể:
 - + Tăng cường chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhằm góp phần tạo sự gắn kết tập thể người lao động, xây dựng doanh nghiệp văn hóa.

5.1.8. Công tác đầu tư:

- a. Cơ sở vật chất:
 - + Xúc tiến đầu tư nhà máy, mở rộng sản xuất sản phẩm nông dược để đáp ứng đủ nhu cầu bán hàng.
 - + Đầu tư xây dựng, sửa chữa Chi Nhánh, nhà kho, trang bị các trang thiết bị, dụng cụ quản lý.
- b. Kỹ thuật, công nghệ:
 - + Cải tiến kỹ thuật sản xuất sản phẩm, dịch vụ để nâng cao năng suất.
 - + Xúc tiến công tác nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ sản xuất mới, phát triển dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường.
- c. Công tác tài chính, kế toán:
 - + Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán và phần mềm kế toán nhằm đáp ứng kịp thời về thông tin tài chính cho các cấp quản lý và các đối tượng kiểm soát.
 - + Tăng cường hoạt động của công tác tài chính, xây dựng và rà soát lại các chính sách quản lý tài chính phù hợp đối với các bộ phận, ưu tiên các bộ phận Bán hàng, Marketing, Phân phối và Phát triển sản phẩm.
 - + Tăng cường công tác Lập kế hoạch tài chính, công tác dự báo để chuẩn bị nguồn tài chính kịp thời nhằm cân đối tốt tài chính, sử dụng vốn hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.

6. Các rủi ro:

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị rủi ro
Rủi ro luật pháp	<p>Hoạt động của VFC phải tuân thủ triệt để các quy định pháp luật về hoạt động của công ty đại chúng đã niêm yết, về chứng khoán và thị trường chứng khoán...</p> <p>→ Luật và các văn bản dưới luật thường xuyên có sự thay đổi, điều chỉnh nên có thể xảy ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty và đôi khi cũng ảnh hưởng đến thị giá cổ phiếu;</p> <p>→ Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường nếu không am hiểu luật pháp và các quy định liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Cập nhật các văn bản luật và dưới luật thường xuyên, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.- Đào tạo hoặc tuyển dụng chuyên viên có kinh nghiệm pháp chế để thẩm định các hợp đồng trước khi ký kết.- Kết hợp với các tổ chức tư vấn pháp luật chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết

Rủ ro	Ảnh hưởng	Quản trị rủi ro
Rủ ro kinh tế	<p>Kinh tế vẫn đang trong giai đoạn bất ổn, tuy lạm phát đã hạ nhiệt nhưng giá cả các mặt hàng thiết yếu vẫn tăng trong khi nhu cầu lại giảm.</p> <p>Tình hình nợ xấu của các đại lý ngày gia tăng. Nhiều đại lý phải bán phá giá để thanh toán nợ đến hạn của các công ty dẫn đến bị thua lỗ, mất khả năng chi trả.</p> <p>→ Doanh thu Công ty bị ảnh hưởng; → Giá thành tăng dẫn đến giá bán tăng, nợ phải thu tăng và hàng tồn kho nhiều.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư tràn lan - Tăng cường bán hàng theo chiều sâu, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng; - Tăng cường quản lý công nợ thông qua các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời kỳ; - Xây dựng hạn mức nợ cho từng đại lý; - Xây dựng quy trình xử lý tài sản thế chấp của khách hàng.
Rủ ro kinh doanh	<p>Hàng xuất khẩu đi những quốc gia như Nhật, Úc, đòi hỏi tiêu chuẩn cao do đó khâu kiểm tra phải đáp ứng nghiêm ngặt chỉ tiêu chất lượng</p> <p>→ Rủi ro phải thực hiện lại dịch vụ hoặc bị hủy hợp đồng, ảnh hưởng đến doanh số và tên tuổi của Công ty.</p> <p>Các Cty thuộc BVTV đua nhau giành lấy thị phần với những chương trình mang tính chất rất cạnh tranh trong chính sách bán hàng và các hoạt động quảng bá.</p> <p>→ Làm chi phí bán hàng tăng cao, lợi nhuận giảm sút.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường máy móc thiết bị cũng như thuê chuyên gia nước ngoài về đào tạo cho nhân viên Công ty; - Đăng ký tiêu chuẩn với những tổ chức kiểm định có danh tiếng trên thế giới để có giấy chứng nhận phù hợp với mặt hàng kiểm tra. - Nghiên cứu và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt thích ứng với từng giai đoạn để giảm tối đa chi phí.
Rủ ro biến động tỷ giá ngoại tệ	<p>Mặt hàng nông dược chủ yếu thông qua nhập khẩu dùng đồng USD thanh toán nên chịu nhiều ảnh hưởng từ tỉ giá hối đoái.</p> <p>→ Khan hiếm ngoại tệ gây khó khăn cho việc nhập khẩu;</p> <p>→ Tỷ giá tăng làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến lợi nhuận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động nguồn tiền để thanh toán nhanh những lúc ngoại tệ có nguy cơ biến động. - Duy trì quan hệ khách hàng thân thiết với một vài ngân hàng lớn để được ưu đãi trong việc giải ngân.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013-2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình chung:

- Kinh tế thế giới năm 2013-2014 vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển. Tạo công ăn việc làm được xem là một thách thức lớn của các nước phát triển. Những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta.
- Trong nước, nền kinh tế vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi tốt. Thị trường hàng hóa thiếu

lực cầu, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng vẫn ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, diễn biến dịch hại ở mức thấp, tình hình thời tiết thuận lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng nên nhu cầu về các sản phẩm nông dược không cao. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh về giá bán và chính sách bán hàng giữa các Công ty ngày càng gay gắt trong khi nhu cầu có xu hướng chững lại.

1.2. Tình hình hoạt động của Công ty:

a. Thuận lợi

- Thương hiệu VFC có uy tín đối với nông dân và đại lý.
- Bộ sản phẩm của VFC có chất lượng tốt có sức hút khá mạnh.
- Có mối quan hệ tốt với hệ thống cấp 1 nên luôn được sự ủng hộ.
- Có sự hợp tác tốt với các đối tác.
- CB-NV nhiệt tình, đoàn kết, có mối quan hệ gắn kết với nông dân & đại lý.
- Có sự liên kết, hỗ trợ phối hợp tốt giữa các Chi nhánh trong kinh doanh.
- Công việc tái cấu trúc Công ty hoàn thành cơ bản và bước đầu phát huy hiệu quả.
- Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chính sách bán hàng ngày càng hoàn thiện và phát triển, thuận lợi cho việc quản lý bán hàng.

b. Khó khăn

- Trong năm qua tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn: giá cả nông sản thấp, ít sâu bệnh, giá sản phẩm nông dược bị phá giá nhiều.
- Các Cty thuộc BVTV vẫn đua nhau giành lấy thị phần với những chương trình mang tính chất rất cạnh tranh trong chính sách bán hàng cũng như trong các hoạt động quảng bá.
- Giá dưa hấu, bắp lai biến động rất nhiều, ở mức thấp trong thời gian dài, làm nông dân bị lỗ nhiều, làm diện tích trồng dưa hấu, bắp lai giảm nhiều chuyển qua trồng đậu xanh, mè..., ảnh hưởng tới việc kinh doanh giống dưa hấu, bắp lai.
- Diện tích trồng bắp một số vùng chính giảm mạnh do nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là tại Daklak và Đồng Nai.
- Một số ngành hàng như sản lát giảm mạnh do các công ty thua lỗ lớn vì giá giảm, khách hàng tìm cách tiết giảm chi phí nên thường bỏ không làm khử trùng; Nhiều trường hợp khách hàng tự tổ chức đội khử trùng để tự xử lý hàng hóa.
- Việc thành lập công ty khử trùng khá dễ dàng nên đã dẫn đến ngày càng có nhiều công ty thành lập bộ phận khử trùng từ ngành kinh doanh có liên quan như: công ty giám định, công ty vận tải, công ty PCO... Các công ty này luôn luôn tập trung vào lượng khách hàng của VFC để lôi kéo bằng cách giảm giá, tặng hoa hồng.
- Các công ty Giám định nước ngoài cũng ngày càng tăng sức ép mạnh lên VFC, tận dụng mọi cách để giành khách hàng khử trùng.

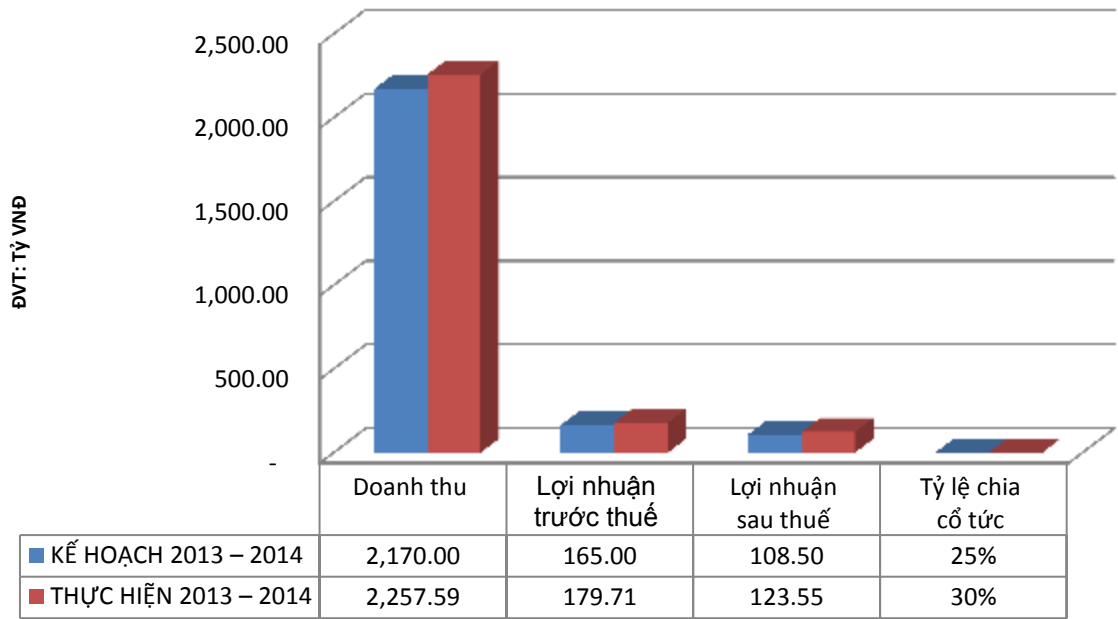
1.3. Doanh thu và tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch niên độ tài chính 2013-2014:

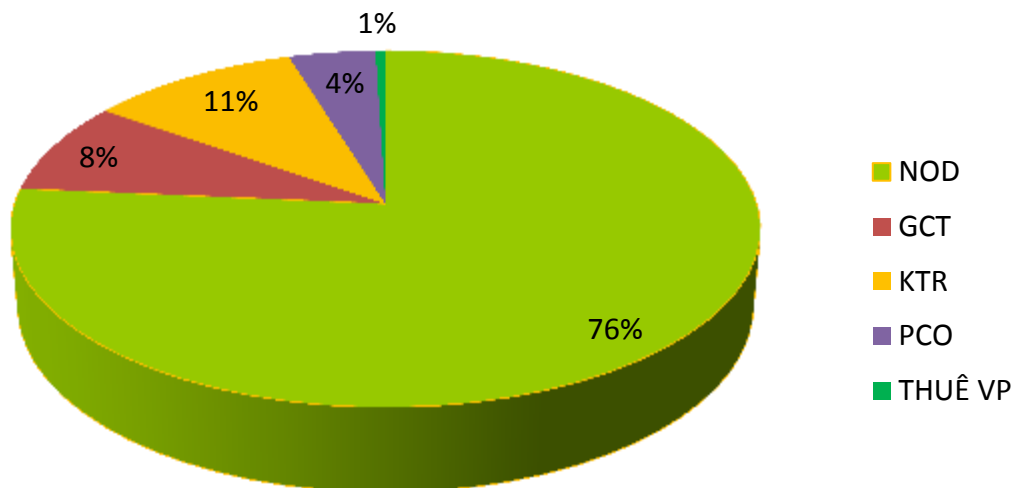
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2013 – 2014 (15 tháng)	THỰC HIỆN 2013 – 2014 (15 tháng)	SỐ SÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỚI KẾ HOẠCH
Doanh thu	Tỷ đồng	2.170,00	2.257,59	104%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	165,00	179,71	109%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	108,50	123,55	114%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	25%	30%*	120%

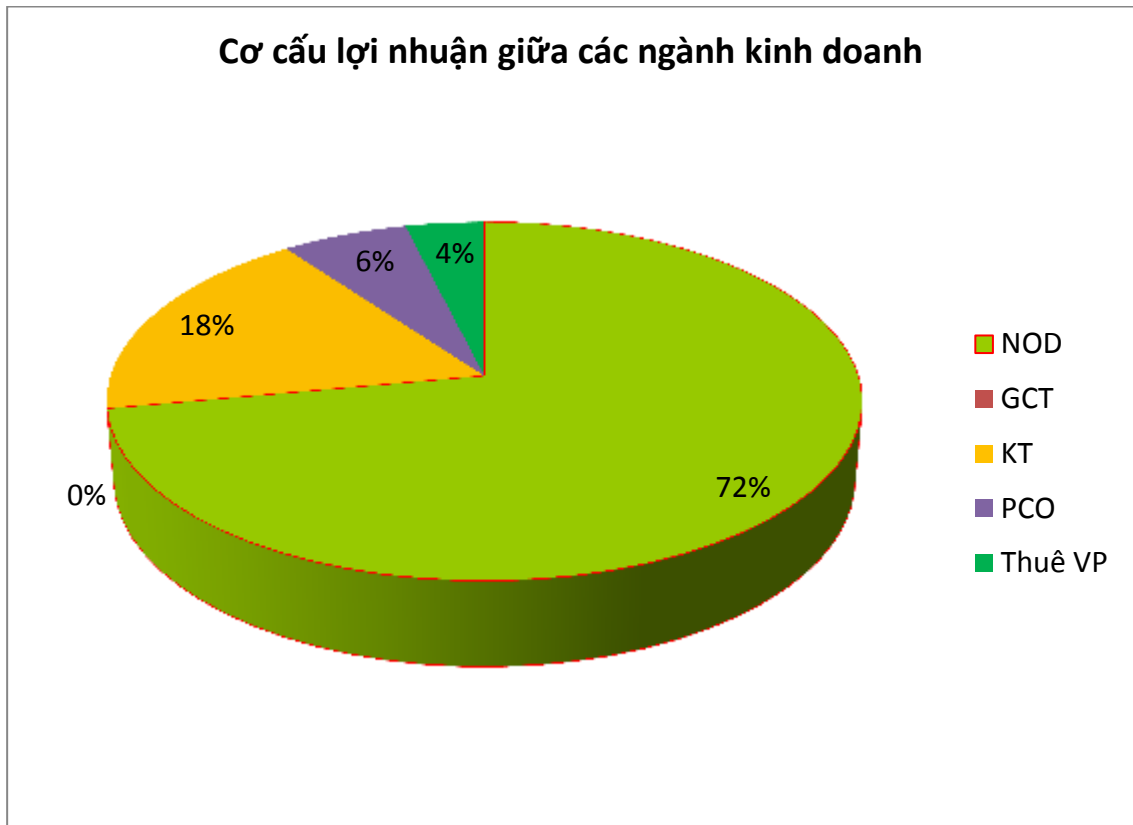
(*) Dự kiến thực hiện.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2013-2014



Cơ cấu doanh thu giữa các ngành kinh doanh





- Trong niên độ vừa qua, tiếp tục thực hiện những định hướng mới trong công tác điều hành kinh doanh của Công ty đã áp dụng và đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả và minh bạch. Các công tác nhằm hoàn thiện hệ thống điều hành kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi nhánh cũng như các công tác liên quan đến tiết giảm chi phí v.v... luôn được chú trọng thực hiện. Chính những yếu tố trên đã góp phần giúp Công ty giữ các chỉ tiêu doanh thu không bị giảm sút trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động của nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.
- Kết quả kinh doanh niên độ tài chính 2013-2014, Công ty về cơ bản đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, đạt 104 % kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 109 % kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 114 % so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành và Kế toán trưởng:

TT	Họ và tên/ Ngày sinh/ nguyên quán	Thời gian công tác	Nơi công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Bạch Tuyết 10/11/1940 /Quảng Ngãi	Từ 1976-1985 Từ 1985-2000 Từ 2001-9/2009 Từ 10/2009 đến nay	Cục Bảo vệ Thực vật Công ty Khử trùng VN Công ty cổ phần Khử trùng Giám định VN Công ty cổ phần Khử trùng VN	Chi cục phó Giám đốc C.ty Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư Nông nghiệp	0,78%

TT	Họ và tên/ Ngày sinh/ nguyên quán	Thời gian công tác	Nơi công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
2	Trương Công Cự 11/12/1955 /Tp.HCM	Từ 1979- 1981 Từ 1981- 1990 Từ 1990- 1991 Từ 1991- 2009 Từ 2009 đến nay	Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II Công ty Khử trùng Việt Nam Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II Công ty cổ phần Khử trùng VN Công ty cổ phần Khử trùng VN	Cán bộ Kỹ thuật Trưởng Phòng Kỹ thuật Cán bộ Kỹ thuật Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc	Kỹ sư Nông Nghệ nghiệp	1,06%
3	Nguyễn Minh Dũng 21/06/1964 /Bắc Ninh	Từ 1985- 1989 Từ 1989- 1993 Từ 1993- 2000 Từ 2001 đến nay	Xí nghiệp cao su Tân Bình Trung tâm Kiểm định thuốc BVTV phía Nam Công ty Khử trùng Việt Nam Công ty cổ phần Khử trùng VN	Cán bộ Kỹ thuật Cán bộ Kỹ thuật Trưởng phòng KD Nông dược Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Hóa	1,03%
4	Nguyễn Bảo Sơn 31/01/1965 /Hà Nội	Từ 1988- 1989 Từ 1989 đến nay	Viện Khoa học Việt Nam Công ty cổ phần Khử trùng VN	Kỹ sư Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Hóa	1,06%
5	Nguyễn Ngọc Dung 1971	05/1993 – nay:	Công ty Khử trùng Việt Nam	TP. Kế toán/ Kế toán trưởng	Cử nhân TC-KT	0,79%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có sự thay đổi trong năm qua.

2.3. Nguồn nhân lực:

Cho đến ngày 31/12/2014, đội ngũ nhân viên VFC là 1.115 người. Cụ thể như sau:

NỘI DUNG	NĂM 2014	NĂM 2013	NĂM 2012
Số lượng lao động (người)	1,115	1,125	1,093
Trên đại học	12	10	9
Đại học	468	444	329
Cao đẳng	61	50	95

Trung cấp	104	90	125
Phổ thông trung học	470	541	535
Thu nhập bình quân/người (đồng)	8,000,000	6.980.000	6.700.000

2.3.1. Chính sách đối với người lao động

- Với phương châm “*Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*”, VFC luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp để phấn đấu cho mục tiêu chiến lược của Công ty;
- *Chế độ làm việc*: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù;
- *Nghỉ phép, lễ, Tết*: Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 01 năm sau.
- *Nghỉ ốm, thai sản*: Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).
- *Điều kiện làm việc*: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

2.3.2. Chính sách tiền lương

- *Chế độ lương và các khoản phụ cấp* :
 - + *Đối tượng*: áp dụng cho tất cả bao gồm Ban Điều hành và nhân viên VFC;
 - + *Tiền lương*: bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp;
 - ✓ *Lương chức danh*: xác định theo vị trí công việc
 - ✓ *Phụ cấp*: bao gồm các khoản phụ cấp sau: Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, qua phà, cầu đường (nhân viên thị trường), thâm niên.
 - + Công ty luôn đảm bảo 100% người lao động khi ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty đều được tham gia bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).
 - + Đảm bảo mức lương cơ bản làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;
 - + Đảm bảo tăng lương cơ bản định kỳ cho NLĐ. Số CBCNV được điều chỉnh tăng lương là những cá nhân có hiệu quả làm việc tốt hoặc phải kiêm nhiệm thêm trách nhiệm công việc .
- *Chế độ thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách động viên, khen thưởng thiết thực, đảm bảo phúc lợi. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty còn được khen thưởng tùy theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Từ năm 2012, công ty đã thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu cho CBCNV giỏi và có công lao đóng góp cho VFC. Chính sách này đã tạo động lực tốt để nhân viên phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao .

- *Chính sách phúc lợi:*
 - + BHXH & BHYT: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước.
 - + Khám sức khỏe hàng năm: Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm, một lần cho cán bộ quản lý và hai lần cho công nhân nhà máy.
 - + Quà sinh nhật: áp dụng cho toàn thể CBNV Công ty
 - + Du lịch, nghỉ mát hàng năm: tổ chức hàng năm theo bộ phận;
 - + Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.
- *Chính sách tuyển dụng và đào tạo:*
 - + Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để tăng cường đội ngũ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.
 - + *Chính sách thu hút nhân tài:* Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
 - + *Chính sách đào tạo:* Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác Đào tạo: Công tác đào tạo chủ yếu là đào tạo nội bộ. Ngành Khử trùng &PCO đã thực hiện nhiều đợt đào tạo nghiệp vụ khử trùng &PCO cho cán bộ nhân viên các Chi nhánh. Kết quả đào tạo được đánh giá có hiệu quả góp phần nâng cao nhận thức và tay nghề cho CBNV trong ngành..

2.3.3. Các chính sách và hoạt động khác:

- Đã thực hiện chi khen thưởng cho NLĐ các dịp tết dương lịch 2014, tết nguyên đán 2014, thưởng lễ 30/4 & 1/5 & 2/9/2014, thưởng các quý 2014.
- Tổ chức công đoàn: Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả, tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và vật chất. Công đoàn tổ chức động viên khen thưởng các cháu là con của CBNV trong Công ty có thành tích học tập tốt.
- Lập quỹ hỗ trợ người lao động: tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn, đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư dự án Marketing và Chuyển giao kỹ thuật theo giải pháp cây trồng:

- Đầu tư nhân sự và kinh phí cho hai dự án Marketing và chuyển giao kỹ thuật trên cây lúa, cà phê và tiêu 16 tỷ;

3.2. Đầu tư tài sản cố định:

- Thay thế các máy móc, thiết bị đã cũ, hết niên hạn sử dụng tại Nhà máy Lê Minh Xuân: 02 tỷ;
- Thay thế một số phương tiện vận tải cũ tại các chi nhánh: 3,5 tỷ;
- Việc đàm phán với đối tác về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty Hải Yến vẫn chưa đạt được kết quả;
- Do tình hình địa ốc vẫn chưa khả quan, nên việc thoái vốn hoặc chuyển nhượng khu kho 1,5 ha tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh và Dự án đầu tư Trung tâm Thương mại Mê Kông tại tỉnh Đồng Tháp chưa thực hiện được;

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Tỷ lệ	Vốn đầu tư
1	Công ty TNHH Hải Yến	Cty liên doanh	(*)	179.514.814.098
2	Công ty CP TM NN Sông Mê Kông	Cty liên kết	40%	13.790.000.000

- (*) Ngày 01 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại 50 Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HDQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại 64 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên.

4. Các hoạt động xã hội vì cộng đồng gắn với việc phát triển thương hiệu:



- Trong tết Ất Mùi vừa qua, Công ty đã đã trao 2.500 phần quà trị giá gần 1 tỷ đồng cho các gia đình nông dân nghèo, có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện vui xuân đón tết tại các tỉnh phía Bắc và ĐBSCL theo Chương trình Vui Xuân Cùng VFC.





- Công ty cũng đã trao tặng 3 căn nhà tình nghĩa, tình thương cho 3 hộ gia đình nghèo ở tỉnh Tiền Giang trị giá 80 triệu đồng;



- Công ty đã phối hợp với Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP, Hội chữ thập đỏ để triển khai chương trình từ thiện (mổ mắt, khám bệnh...) cho bà con nông dân trong năm 2014 – 2015 với kinh phí dự kiến là 3,3 tỷ đồng.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

DVT: Tỷ VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2013	% TĂNG /GIẢM
Tổng giá trị tài sản	1,289.67	1,152.29	+11.92
Doanh thu thuần	1,883.34	1,629.70	+15.56
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	152.13	121.44	+25.27
Lợi nhuận khác	-4.46	2.47	-280.57
Lợi nhuận trước thuế	147.67	123.92	+19.17
Lợi nhuận sau thuế	101.47	66.71	+52.11
Tỷ lệ cổ tức	30%*	25%	+20.00

(*) Cổ tức dự kiến.

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

DVT: Tỷ VNĐ

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.49	1.45	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.92	0.94	

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	GHI CHÚ
TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn			
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.53	0.51	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.10	1.02	
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	4.13	3.81	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.46	1.41	
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.39%	4.09%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16.6%	11.7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7.87%	5.79%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8.08%	7.45%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần đang lưu hành:

LOẠI CỔ PHIẾU	31/12/2013	THAY ĐỔI	31/12/2014
Cổ phần phổ thông đang lưu hành	13.208.643	0	13.208.643
Cổ phiếu quỹ	74.110	0	74.110
Cộng	13.282.753	0	13.282.753

6.2. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 26/2/2015):

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0.00%	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0.00%	0	0	0
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	2.803.410	21,106%	2	2	0
	- Trong nước	2,047,760	15.417%	1	1	0
	- Nước ngoài	755.650	5,689%	1	1	0
4	Công đoàn Công ty	0	0.00%	0	0	0
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	74,110	0.558%	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0.00%	0	0	0
	(nếu có)					
7	Cổ đông khác	10.405.233	78,336%	571	23	548
	- Trong nước	9.769.859	73.553%	550	16	534

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
	- Nước ngoài	635.374	4.783%	21	7	14
	TỔNG CỘNG	13,282,753	100.00%	574	26	548
	Trong đó:					
	- Trong nước	11,891,729	89,528%	552	18	534
	- Nước ngoài	1,391.024	10.472%	22	8	14

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm tài chính 2013-2014, Công ty không thực hiện việc thay đổi vốn điều lệ.

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là 74.110 cp, không thay đổi so với đầu năm. Nguồn cổ phiếu quỹ chủ yếu là do Công ty thực hiện thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình ESOP của các CBNV đã nghỉ việc trong thời gian thực hiện chương trình (theo quy định của Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP).

6.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2013 - 2014

(Xem mục II. Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2013-2014)

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

- Tài sản ngắn hạn tăng 20% so với cùng kỳ
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 31,7%
 - Các khoản phải thu tăng 10%
 - Hàng tồn kho tăng 29,1%
- Tài sản cố định giảm 9,1% so với cùng kỳ
 - Tài sản cố định vô hình tăng 25,7%
 - Tài sản cố định hữu hình giảm 17,3 %
 - Bất động sản đầu tư giảm 4%
- Phân tích : Tài sản ngắn hạn của Cty tăng 20%, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền tăng 31,7% do Công ty quản lý tốt dòng tiền, tạo khả năng thanh khoản tốt đối với các khoản nợ của Cty.
- Hàng tồn kho tăng do Công ty phải tăng nguồn hàng dự trữ để phân phối kịp thời theo mùa vụ; Cty đã tăng cường kiểm soát tốt hàng tồn kho làm giảm thiểu việc tồn trữ hàng hóa lâu, hợp ký hóa nguồn vốn và vòng quay hàng tồn kho.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả tăng 16,2% so với cùng kỳ, trong đó các khoản nợ vay giảm 100%, phải trả người bán tăng 49,5% tuy nhiên đây không phải là khoản nợ xấu không có khả năng thanh toán mà là do Cty được đối tác cho nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

(Xem mục II. Tình hình hoạt động trong năm tài chính 2013-2014)

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2015:

4.1. Kế hoạch kinh doanh:

Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2013-2014 cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế, Ban điều hành đã triển khai việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2013 – 2014 (15 THÁNG)	THỰC HIỆN 2014 (12 THÁNG)	KẾ HOẠCH 2015
Doanh thu	Tỷ đồng	2,257.59	1,894.52	2,015.00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	179.71	147.67	165.00
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	123.55	101.48	115.00
Tỷ lệ chia cổ tức	%	30%	24%	20%

4.2. Kế hoạch đầu tư:

- Đầu tư chỉnh sửa các kho hàng tập trung theo vùng (Quản lý tập trung), dự kiến chi phí 3 tỷ;
- Thay thế các máy móc, thiết bị đã cũ, hết niên hạn sử dụng tại Nhà máy Lê Minh Xuân, dự kiến 3 tỷ;
- Thay thế một số phương tiện vận tải cũ tại các chi nhánh, dự kiến 5 tỷ;
- Tiếp tục đầu tư cho công tác củng cố và phát triển thương hiệu công ty, dự kiến ngân sách là 5 tỷ đồng;
- Duy tu, bảo dưỡng toà nhà VFC Tower và sửa chữa cơ sở vật chất của nhà máy Lê Minh Xuân. Chi phí dự kiến 4 tỷ đồng;
- Xây dựng và phê duyệt dự án Nhà máy pha chế, đóng gói Nông dược tại khu Công nghiệp Đức Hòa, Long An để khởi công trong năm 2016.
- Các khoản đầu tư khác:
 - Tiếp tục đàm phán với đối tác về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty Hải Yên;
 - Tiếp tục thực hiện việc thoái vốn hoặc chuyển nhượng khu kho 1,5 ha tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh và Dự án đầu tư Trung tâm Thương mại Mê Kông tại tỉnh Đồng Tháp;

4.3. Một số định hướng giải pháp thực hiện cho hoạt động của Công ty năm 2015:

- Tiếp tục xây dựng, củng cố thương hiệu Công ty.
- Rà soát lao động, củng cố và bổ sung đội ngũ nhân sự.
- Tiếp tục đầu tư các hoạt động marketing hiệu quả.
- Phát triển thêm sản phẩm mới NOD&GCT; chú trọng những sản phẩm còn thiếu hoặc yếu.
- Quản lý và chăm sóc tốt khách hàng nhằm phát triển hệ thống đại lý mạnh và vững chắc.
- Quản lý tốt công nợ; giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi.
- Nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong niên độ tài chính 2013-2014, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được phân nhiệm hoạt động theo chuyên môn, ra quyết định tập thể và báo cáo định kỳ.
- Hoạt động quản lý Công ty được tuân thủ và theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; Ban điều hành hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên giao; giữ vững, ổn định sự phát triển của Công ty trong tình hình môi trường kinh doanh biến động, phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro; đồng thời, HĐQT cũng đã tập trung nhiều vào việc hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự

cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động, củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty;

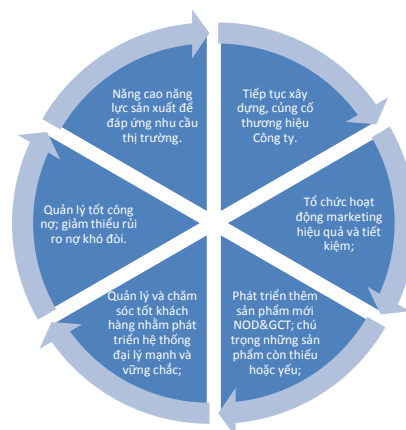
- Việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT được thực hiện thường xuyên thông qua việc tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban điều hành. Hội đồng quản trị đã sát cánh cùng Ban điều hành, kịp thời xử lý các vấn đề khó khăn do Ban điều hành đề xuất đã mang lại hiệu quả quản lý tốt và từng bước khắc phục được các khó khăn, thử thách do môi trường kinh doanh đầy biến động, phức tạp;
- Việc công bố thông tin của Công ty cũng được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Trong năm, HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát :

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị;
- HĐQT đánh giá:
 - + Các thành viên trong Ban điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
 - + Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
 - + Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty;
 - + Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
 - + Hàng quý, Ban Điều hành tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, kiểm điểm các công việc chưa thực hiện, đề xuất phương án hoàn thiện hệ thống quản lý và giải pháp thực hiện nhằm triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh do Hội đồng Quản trị đề ra;
 - + Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định;
 - + Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị (Xem Khoản 5, Mục I)



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Danh sách HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT/P.TGD	0,78%
2	Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch HĐQT/TGD	1,06%
3	Nguyễn Minh Dũng	Thành viên HĐQT/P.TGD	1,03%
4	Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên HĐQT/P.TGD	1,06%
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thành lập Hội đồng xử lý nợ với chức năng chính là trực tiếp chỉ đạo công tác xử lý nợ quá hạn, nợ khó đòi trong toàn Công ty; chỉ đạo các chi nhánh thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi bằng nhiều biện pháp khác nhau, theo quy định của pháp luật; Thành phần Hội đồng xử lý nợ gồm có các Ông/Bà sau:

- Bà Nguyễn Bạch Tuyết – Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Hội đồng;
- Ông Trương Công Cứ - Phó CT.HĐQT kiêm TGD - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Ông Nguyễn Bảo Sơn – Thành viên HĐQT – Ủy viên;
- Ông Nguyễn Minh Dũng – Thành viên HĐQT – Ủy viên;
- Ông Trần Anh Tuấn – Chánh VP.HĐQT&BDH - Ủy viên thường trực;
- Bà Nguyễn Ngọc Dung – Kế toán trưởng - Ủy viên.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong niên độ tài chính 2013-2014, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được phân nhiệm hoạt động theo chuyên môn, ra quyết định tập thể và báo cáo định kỳ.
- Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; giám sát và đôn đốc Ban điều hành hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên giao; giữ vững, ổn định sự phát triển của Công ty trong tình hình môi trường kinh doanh biến động, phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro; đồng thời, HĐQT cũng đã tập trung nhiều vào việc hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động, củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty;
- Trong niên độ tài chính 2013 - 2014, đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc;
- Các thành viên HĐQT am hiểu ngành nghề kinh doanh công ty, đóng góp nhiều ý kiến có hiệu quả trong công tác quản lý Công ty. Trong năm, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị đã sát cánh cùng Ban điều hành, kịp thời xử lý các vấn đề khó khăn do Ban điều hành đề xuất đã mang lại hiệu quả quản lý tốt và từng bước khắc phục được các khó khăn, thử thách do môi trường kinh doanh đầy biến động, phức tạp;
- HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp theo quý và đột xuất khi có yêu cầu. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty quy định. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và công bố theo đúng quy định;
- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động mẫn cán, minh bạch và làm việc hiệu quả. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn

hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty;

- Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Về việc tham dự các phiên họp:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự đủ các phiên họp
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch	6/6	100%	
2	Trương Công Cứ	Thành Viên	6/6	100%	
3	Nguyễn Minh Dũng	Thành Viên	6/6	100%	
4	Nguyễn Bảo Sơn	Thành Viên	6/6	100%	
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành Viên	6/6	100%	
6	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch	6/6	100%	

- Trong niên độ tài chính 2013 – 2014, Hội đồng quản trị đã tiến hành 6 cuộc họp, theo đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	32/2013/NQ-HĐQT	11/11/2013	Nghị quyết phiên họp 25/10/2013
2	34/2013/QĐ-HĐQT	25/11/2013	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và điều hành Công ty
3	36/2013/NQ-HĐQT	28/11/2013	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ TN 2014
4	39/2013/NQ-HĐQT	17/12/2013	Nghị quyết về giao dịch tín dụng với ANZ và HSBC
5	47/2013/NQ-HĐQT	27/12/2013	Nghị quyết phiên họp 26/12/2013
6	01/2014/QĐ -HĐQT	06/01/2014	Quyết định ban hành Quy chế quản trị nội bộ
7	02/2014/NQ-HĐQT	21/02/2014	Nghị quyết về việc trả cổ tức đợt cuối 2013
8	03/2014/NQ-HĐQT	25/02/2014	Nghị quyết phiên họp 21/2/2014
9	05/2014/NQ-HĐQT	09/05/2014	Nghị quyết phiên họp 08/05/2014
10	06/2014/NQ-HĐQT	26/06/2014	Nghị quyết về việc sang tên chủ quyền đất do Công ty TNHH một thành viên Trọng Tín L.A đứng tên chủ sở hữu về công ty mẹ là Công ty CP khử trùng Việt Nam.
11	09/2014/NQ-HĐQT	13/8/2014	Nghị quyết phiên họp 13/08/2014
12	10/2014/QĐ -HĐQT	18/8/2014	Quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty
13	11/2014/QĐ -HĐQT	18/8/2014	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý nợ
14	12/2014/QĐ -HĐQT	03/9/2014	Quyết định thành lập Ban kiểm soát nội bộ
15	15/2014/NQ-HĐQT	13/11/2014	Nghị quyết phiên họp 13/11/2014
16	17/2014/NQ-HĐQT	29/12/2014	Nghị quyết về việc chuyển tên chủ quyền tài sản tại Sóc trăng về Công ty CP khử trùng Việt Nam
17	18/2014/NQ-HĐQT	29/12/2014	Nghị quyết về việc chuyển tên chủ quyền tài sản tại Đồng tháp về Công ty CP khử trùng Việt Nam
18	19/2014/NQ-HĐQT	29/12/2014	Nghị quyết về việc chuyển tên chủ quyền tài sản tại An Giang về Công ty CP khử trùng Việt Nam

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Do Hội đồng xử lý nợ mới thành lập nên hoạt động chưa nhiều; Hội đồng xử lý nợ đã tiến hành được phiên họp đầu tiên vào ngày 10/11/2014 để xem xét phương án xử lý các tài sản đã mua cản trừ nợ khó đòi của khách hàng đồng thời thảo luận về phương hướng hoạt động trong năm 2015.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Danh sách BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Trần Văn Dũng	Trưởng Ban	0%
2	Thái Thị Hồng Châu	Thành viên	0,48%
3	Tô Đức Hải	Thành viên	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm qua BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên nhằm triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD Công ty; thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán và BCTC niên độ 2014. Các hoạt động của các thành viên BKS đã thực hiện cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS năm 2014;
- Thẩm định BCTC quý chuyển đổi năm 2013, BCTC giữa niên độ và năm 2014;
- Tham gia các phiên họp của HĐQT trong năm 2014;
- Tham gia công tác kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề và chỉnh sửa Điều lệ;
- Tham gia với BDH thực hiện các chuyên đề về Chương trình xây dựng hạn mức nợ khách hàng; Chương trình cải tiến tiền lương; Xây dựng chính sách bán hàng; Xây dựng định hướng chiến lược Công ty giai đoạn 2015-2019 và Xây dựng Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2015;
- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2014; đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH công ty năm 2014;
- Thảo luận Báo cáo hoạt động năm 2014 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2015 để trình Báo cáo ĐHĐCĐ;
- Thu thập thông tin để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2015 để đề nghị HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Phối hợp với bộ phận quản lý cổ đông để theo dõi tình hình phản ánh ý kiến của cổ đông và tình hình thực hiện chi trả cổ tức;
- Tham gia với bộ phận Tài Chính- Kế Toán Công ty để thực hiện tiến trình cải tiến công tác Tài Chính- Kế toán;
- Tham gia một số nội dung, vấn đề khác với HĐQT trong các cuộc họp.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD

- Trong hoạt động năm qua, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi để tham gia và chủ động cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, các BCTC quý, năm.
- BKS cùng HĐQT và Ban TGD Công ty thực hiện sự phối hợp nhiệm vụ, chia sẻ, nắm bắt kịp thời thông tin liên quan đến tình hình và hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các phòng Ban chức năng và tham gia xem xét các vấn đề trong quá trình hoạt động và qua đó BKS đóng góp ý kiến, tham vấn cho HĐQT và Ban TGD.
- BKS cũng đã phối hợp với thành viên HĐQT phụ trách giám sát mảng tài chính kế toán công ty đã tổ chức làm việc với Ban TGD và phòng Tài chính kế toán công ty về chi tiết các vấn đề liên quan đến tổ chức Hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính quan trọng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và khen thưởng năm 2014 như sau:

- + Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng 1,5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2014. Việc phân bổ thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị quyết định.
- + Nhằm khuyến khích cho Hội đồng quản trị nỗ lực hoàn thành đạt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2014, đã thông qua mức khen thưởng cho Hội đồng Quản trị là 8 % trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2014;

Như vậy, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã được phê duyệt, thì thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2013-2014 là 1,5% LNST (1,5% x 123,62 tỷ VNĐ = 1,854 tỷ VNĐ) và mức khen thưởng cho HĐQT là 8% LNST vượt kế hoạch (8% x 15,11 tỷ VNĐ= 1,208 tỷ VNĐ).

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2014 là 7.922.527.971 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có;

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có;

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty từng bước và đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty; đã xây dựng và ban hành áp dụng Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Ngoài ra, việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật đã được Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm thông tin đầy đủ và kịp thời cho nhà đầu tư.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Phụ lục đính kèm)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Công Cứ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 132.827.530.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh phía Bắc tại 147 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại 292 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh Quy Nhơn tại 263 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Nha Trang tại 7 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
- Chi nhánh ĐakLak tại 170 Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh ĐakLak.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Lô 30A3-3, KCN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh An Giang tại 104 Ấp Hòa Phú 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Kiên Giang tại 304A Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Long An tại 288 Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An.
- Chi nhánh Đà Lạt tại Lô B10 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Chi nhánh Nghệ An tại 28 Trần Phú, Phường Hồng Sơn, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Sóc Trăng tại Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng.
- Chi nhánh Đồng Tháp tại 154 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Đồng Nai tại 40 Khu 6, Ấp Bàu Cá, Xã Trung Hòa, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại 37 Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Sơn La tại Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.
- Văn phòng đại diện Bình Dương tại 5/2 Ấp 1B, Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Văn Dũng	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên
Ông Tô Đức Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG CỨ



Số: 14.426A/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Phần tiếp theo ở trang 05)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục 11 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đến việc Công ty đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Công ty vào một công ty khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỤY NHÃ VY

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1875-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		951.627.618.064	792.702.585.660
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	193.004.782.955	146.586.025.800
1. Tiền	111		43.004.782.955	34.554.012.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	112.032.012.944
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	389.136.214.112	353.851.743.106
1. Phải thu khách hàng	131		429.247.851.879	363.823.195.420
2. Trả trước cho người bán	132		1.030.340.500	4.030.097.038
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.724.732.587	16.734.179.359
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(56.866.710.854)	(30.735.728.710)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	363.624.706.991	281.579.908.317
1. Hàng tồn kho	141		370.585.950.741	284.258.785.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.961.243.750)	(2.678.876.897)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.861.914.006	10.684.908.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.266.376.895	1.654.971.712
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.197.989	148.664.907
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.645.926	2.640.709.845
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	3.437.693.196	6.240.561.972

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.049.238.188	359.589.128.348
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		105.826.209.456	116.406.402.870
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	41.522.597.512	50.193.731.270
+ Nguyên giá	222		115.180.162.326	112.939.758.128
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.657.564.814)	(62.746.026.858)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	62.746.278.620	49.927.458.151
+ Nguyên giá	228		67.337.362.216	52.838.796.214
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.591.083.596)	(2.911.338.063)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.557.333.324	16.285.213.449
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.7)	32.103.883.083	33.439.888.431
+ Nguyên giá	241		42.360.278.761	42.360.278.761
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.256.395.678)	(8.920.390.330)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	194.312.964.098	202.177.014.098
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		193.304.814.098	193.304.814.098
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.249.390.000	19.477.190.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.241.240.000)	(10.604.990.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.806.181.551	7.565.822.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	5.026.092.304	6.915.131.115
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	160.062.576
3. Tài sản dài hạn khác	268		780.089.247	490.629.258
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.289.676.856.252	1.152.291.714.008

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		676.565.301.587	582.220.534.087
I. Nợ ngắn hạn	310		639.790.255.095	545.725.671.718
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	80.544.642.030
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	392.336.853.740	262.348.888.649
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	443.969.319	684.054.705
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	13.595.187.301	36.932.484.177
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	38.578.960.567	13.444.298.425
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	46.260.135.330	21.395.578.713
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	130.978.728.093	127.515.738.950
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	17.596.420.745	2.859.986.070
II. Nợ dài hạn	330		36.775.046.492	36.494.862.369
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.16)	36.775.046.492	36.494.862.369
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		613.111.554.665	570.071.179.921
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17)	613.111.554.665	570.071.179.921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.827.530.000	132.827.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.731.808.592	70.731.808.592
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(702.100.000)	(702.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		213.570.309.329	187.285.913.495
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		33.206.882.500	32.431.882.500
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		27.552.225.851	15.790.760.573
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		135.924.898.393	131.705.384.761
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.289.676.856.252	1.152.291.714.008

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		17.415.115.366	5.274.291.844
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		427.002.952	21.116.000
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		101.808,27	170.623,31
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.894.521.951.458	1.630.872.983.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.175.694.005	1.167.550.830
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.883.346.257.453	1.629.705.433.018
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.331.034.001.627	1.134.772.815.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		552.312.255.826	494.932.617.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	12.967.682.480	6.659.767.042
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	(109.355.755)	14.224.041.680
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.580.210.953	5.328.632.281
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	330.251.400.012	281.463.243.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	83.003.453.457	84.462.458.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		152.134.440.591	121.442.640.252
11. Thu nhập khác	31		3.923.586.346	14.052.073.458
12. Chi phí khác	32	(6.7)	8.384.054.917	11.572.241.531
13. Lợi nhuận khác	40		(4.460.468.571)	2.479.831.927
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		147.673.972.021	123.922.472.179
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.8)	46.195.507.163	57.207.029.483
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		101.478.464.858	66.715.442.696
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		101.478.464.858	66.715.442.696
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.17.4	7.683	5.033

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC DUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.241.250.957.861	1.154.287.037.200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.336.078.094.554)	(1.165.671.158.565)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(152.353.963.594)	(172.829.802.830)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.580.210.953)	(5.325.746.374)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(68.572.863.592)	(47.999.738.738)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.770.685.725.612	1.612.341.285.641
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.310.536.904.532)	(1.224.763.013.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		137.814.646.247	150.038.862.695
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.731.929.012)	(1.776.777.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.979.120.240	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.893.786.507	4.634.510.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.140.977.735	2.857.733.228

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		784.348.673.108	538.123.252.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(864.893.315.138)	(617.250.819.104)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.992.813.950)	(43.542.542.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(114.537.455.980)	(122.670.108.265)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		46.418.168.002	30.226.487.658
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		146.586.025.800	116.329.974.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		589.152	29.563.568
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		193.004.782.955	146.586.025.800

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯỞNG CÔNG CỤ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 132.827.530.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh phía Bắc tại 147 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại 292 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh Quy Nhơn tại 263 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Nha Trang tại 7 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
- Chi nhánh Đắk Lắk tại 170 Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Lô 30A3-3, KCN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh An Giang tại 104 Ấp Hòa Phú 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Kiên Giang tại 304A Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Long An tại 288 Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An.
- Chi nhánh Đà Lạt tại Lô B10 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Chi nhánh Nghệ An tại 28 Trần Phú, Phường Hồng Sơn, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Sóc Trăng tại Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng.
- Chi nhánh Đồng Tháp tại 154 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Đồng Nai tại 40 Khu 6, Ấp Bàu Cá, Xã Trung Hòa, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại 37 Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Sơn La tại Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.
- Văn phòng đại diện Bình Dương tại 5/2 Ấp 1B, Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.115 (31/12/2013: 1.130).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM).

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A	Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	100%	100%

Công ty con được hợp nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 vì theo Quyết định số 14/CV/2014 ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A, Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A đã thống nhất phê duyệt giải thể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

1.4. Công ty liên doanh không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH Hải Yến	50 Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	-	-

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Tập đoàn đã khởi kiện tranh chấp về tỷ lệ góp vốn vào Công ty TNHH Hải Yến, do đó, đã cản trở đáng kể vào chuyển giao vốn cho Tập đoàn. Theo hướng dẫn tại đoạn 28, Chuẩn mực 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh, khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa lớn và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|---------------------------------|-------------|
| + Quyền sử dụng đất có thời hạn | 48 – 50 năm |
| + Phần mềm máy vi tính | 02 năm |

4.9. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản được tính, trích khấu hao như tài sản cố định của Tập đoàn.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Riêng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến được hạch toán theo phương pháp giá gốc – Xem thêm mục 1.4.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- + Trích Quỹ dự phòng tài chính ít nhất bằng 10% lợi nhuận sau thuế để dự trữ cho năm sau cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ.
- + Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Hàng năm, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN</u>
Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	22%
Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Giống cây trồng	Không chịu thuế
+ Thuốc nông dược	5%
+ Dịch vụ khác	10%

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.19. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	7.869.903.087	4.205.585.559
Tiền gửi ngân hàng	35.134.879.868	30.348.427.297
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	112.032.012.944
Tổng cộng	193.004.782.955	146.586.025.800

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	429.247.851.879	363.823.195.420
Trả trước cho người bán	1.030.340.500	4.030.097.038
Các khoản phải thu khác	15.724.732.587	16.734.179.359
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	446.002.924.966	384.587.471.817
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(56.866.710.854)	(30.735.728.710)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	389.136.214.112	353.851.743.106

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNCN nộp hộ CBCNV	1.662.853.935	1.615.184.334
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	1.291.927.144	14.294.377
Phải thu về chiết khấu mua hàng	-	8.604.067.998
Phải thu về tiền tạm ứng liên quan đến thành lập văn phòng PhnomPênh	-	335.457.716
Phải thu khách hàng liên quan đến việc mua lại đất	9.615.905.000	6.000.000.000
Phải thu khác	3.154.046.508	165.174.934
Cộng	15.724.732.587	16.734.179.359

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng đi đường	5.556.918.816	-
Nguyên liệu, vật liệu	119.453.785.387	76.408.824.325
Công cụ, dụng cụ	997.816.436	297.062.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.021.025.683	2.498.455.691
Thành phẩm	39.502.303.446	56.109.183.512
Hàng hóa	202.054.100.973	148.945.259.397
Cộng giá gốc hàng tồn kho	370.585.950.741	284.258.785.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.961.243.750)	(2.678.876.897)
Giá trị thuần có thể thực hiện	363.624.706.991	281.579.908.317

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 4.282.366.853 VND do tăng khối lượng hàng tồn kho cần lập dự phòng trong năm.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	158.492.595
Tạm ứng	2.974.901.169	5.537.264.342
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	462.792.027	544.805.035
Tổng cộng	3.437.693.196	6.240.561.972

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.751.716.604	9.943.309.286	74.704.266.725	3.540.465.513	112.939.758.128
Mua trong năm	-	466.360.000	3.234.516.363	425.614.000	4.126.490.363
Đầu tư XDCB hoàn thành	689.363.208	-	-	-	689.363.208
Giảm khác	-	(1.155.579.019)	(1.301.208.534)	(118.661.820)	(2.575.449.373)
Số dư cuối năm	25.441.079.812	9.254.090.267	76.637.574.554	3.847.417.693	115.180.162.326
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.739.285.232	7.622.729.856	38.835.372.241	2.548.639.529	62.746.026.858
Khấu hao trong năm	1.276.266.848	1.024.308.021	10.317.651.957	660.469.356	13.278.696.182
Giảm khác	-	(1.064.395.914)	(1.184.100.492)	(118.661.820)	(2.367.158.226)
Số dư cuối năm	15.015.552.080	7.582.641.963	47.968.923.706	3.090.447.065	73.657.564.814
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	11.012.431.372	2.320.579.430	35.868.894.484	991.825.984	50.193.731.270
Số dư cuối năm	10.425.527.732	1.671.448.304	28.668.650.848	756.970.628	41.522.597.512

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.006.560.124 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	51.113.646.214	1.725.150.000	52.838.796.214
Mua trong năm	12.771.323.502	1.727.242.500	14.498.566.002
Số dư cuối năm	63.884.969.716	3.452.392.500	67.337.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.271.287.231	640.050.832	2.911.338.063
Khấu hao trong năm	812.118.241	867.627.292	1.679.745.533
Số dư cuối năm	3.083.405.472	1.507.678.124	4.591.083.596
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	48.842.358.983	1.085.099.168	49.927.458.151
Số dư cuối năm	60.801.564.244	1.944.714.376	62.746.278.620

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.619.891.500	34.740.387.261	42.360.278.761
Số dư cuối năm	7.619.891.500	34.740.387.261	42.360.278.761
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	8.920.390.330	8.920.390.330
Khấu hao trong năm	-	1.336.005.348	1.336.005.348
Số dư cuối năm	-	10.256.395.678	10.256.395.678
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	7.619.891.500	25.819.996.931	33.439.888.431
Số dư cuối năm	7.619.891.500	24.483.991.583	32.103.883.083

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	193.304.814.098	193.304.814.098
Đầu tư dài hạn khác	2.249.390.000	19.477.190.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	195.554.204.098	212.782.004.098
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(1.241.240.000)	(10.604.990.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	194.312.964.098	202.177.014.098

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 11	-	179.514.814.098	-	179.514.814.098
Công ty CP TM Nông nghiệp Sông Mê Kông	1.379.000	13.790.000.000	1.379.000	13.790.000.000
Cộng	1.379.000	193.304.814.098	1.379.000	193.304.814.098

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Công ty CP Nông Dược HAI	-	-	360.000	17.227.800.000
Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	71.500	2.249.390.000	71.500	2.249.390.000
Cộng	71.500	2.249.390.000	431.500	19.477.190.000

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Nông Dược HAI	-	(9.127.800.000)
Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	(1.241.240.000)	(1.477.190.000)
Cộng	(1.241.240.000)	(10.604.990.000)

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng	4.658.418.957	6.528.838.065
Chi phí sửa chữa lớn	114.904.204	125.649.647
Chi phí khác	252.769.143	260.643.403
Tổng cộng	5.026.092.304	6.915.131.115

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	392.336.853.740	262.348.888.649
Người mua trả tiền trước	443.969.319	684.054.705
Tổng cộng	392.780.823.059	263.032.943.354

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.288.234.875	1.422.172.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.664.630.363	33.245.953.721
Thuế thu nhập cá nhân	663.478.495	1.575.509.410
Các loại thuế khác	978.843.568	688.848.808
Tổng cộng	13.595.187.301	36.932.484.177

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương còn phải trả cho người lao động.

5.13. Chi phí phải trả

Là khoản chi phí bán hàng trong năm còn phải trả.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	2.672.159
Kinh phí công đoàn	547.021.196	493.307.564
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	131.075.918
Tiền mượn Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 8	116.500.000.000	116.500.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	13.931.706.897	10.388.683.309
Tổng cộng	130.978.728.093	127.515.738.950

5.15. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Công ty TNHH Hải Yến	34.784.900.000	34.784.900.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.990.146.492	1.709.962.369
Tổng cộng	36.775.046.492	36.494.862.369

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	187.285.913.495	32.431.882.500	15.790.760.573	131.705.384.761	570.071.179.921
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	101.478.464.858	101.478.464.858
Phân phối lợi nhuận năm trước cho các quỹ	-	-	-	11.053.099.355	775.000.000	6.684.366.452	(18.512.465.807)	-
Tạm trích quỹ năm nay	-	-	-	15.231.296.479	-	5.077.098.826	(32.493.432.488)	(12.185.037.183)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.842.479.484)	(8.842.479.484)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(19.812.964.500)	(19.812.964.500)
Tạm chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(13.208.643.000)	(13.208.643.000)
Khác	-	-	-	-	-	-	(4.388.965.947)	(4.388.965.947)
Số dư cuối năm	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	213.570.309.329	33.206.882.500	27.552.225.851	135.924.898.393	613.111.554.665

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

5.16.3. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	13.282.753	13.282.753
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	13.282.753	13.282.753
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	74.110	74.110
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	13.208.643	13.208.643
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	101.478.464.858	66.715.442.696
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	13.208.643	13.256.152
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	7.683	5.033

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.615.123.128.444	1.349.058.586.087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	269.922.470.993	272.559.023.387
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.476.352.021	9.255.374.374
Chiết khấu thương mại	(2.250.366.605)	-
Hàng bán bị trả lại	(8.925.327.400)	(1.167.550.830)
Doanh thu thuần	1.883.346.257.453	1.629.705.433.018

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.154.483.465.323	960.795.257.409
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	171.456.473.971	173.160.834.685
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	811.695.480	816.723.849
Dự phòng hàng tồn kho	4.282.366.853	-
Tổng cộng	1.331.034.001.627	1.134.772.815.943

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.173.786.507	3.579.935.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	720.000.000	1.008.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	339.812.669	223.061.527
Lãi chậm thanh toán	733.650.417	54.756.417
Doanh thu hoạt động tài chính khác	432.887	1.794.013.099
Tổng cộng	12.967.682.480	6.659.767.042

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.580.210.953	5.328.632.281
Chiết khấu thanh toán	-	5.515.222.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.425.463.532	797.040.508
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(8.115.070.240)	2.582.000.000
Chi phí tài chính khác	40.000	1.146.891
Tổng cộng	(109.355.755)	14.224.041.680

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	118.449.720.797	84.120.010.788
Chi phí vật liệu, bao bì dụng cụ	2.009.233.368	1.808.208.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.210.289.962	6.152.435.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.866.641.208	30.831.827.202
Chi phí khác bằng tiền	170.715.514.677	158.550.760.889
Tổng cộng	330.251.400.012	281.463.243.364

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	35.251.360.294	39.533.770.482
Chi phí vật liệu, bao bì dụng cụ	1.560.843.345	729.315.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.569.842.326	6.418.865.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.251.839.569	3.698.495.421
Chi phí khác bằng tiền	10.832.698.828	12.398.084.519
Chi phí dự phòng	26.536.869.095	21.683.927.022
Tổng cộng	83.003.453.457	84.462.458.821

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tài sản thiếu trong kiểm kê	7.657.173	363.681.812
Tiền phạt, tiền bồi thường	404.618.773	201.147.652
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	116.801.181	2.893.934.384
Chi phí khác	7.854.977.790	8.113.477.683
Tổng cộng	8.384.054.917	11.572.241.531

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Tập đoàn như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN</u>
Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	22%
Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A	20%

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.251.022.469.083	1.024.946.593.185
Chi phí nhân công	203.638.566.599	173.976.050.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.294.447.063	17.173.750.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.971.711.292	36.066.068.837
Chi phí khác bằng tiền	170.907.663.010	221.303.737.813
Chi phí dự phòng	23.621.481.995	23.736.775.293
Tổng cộng	1.716.456.339.042	1.497.202.976.102

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Tây Nguyên
- Miền Nam

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: triệu đồng

	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần từ bán hàng												
Từ khách hàng bên ngoài	248.214	200.890	141.040	138.602	102.717	95.949	1.391.375	1.194.264	-	-	1.883.346	1.629.705
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	248.214	200.890	141.040	138.602	102.717	95.949	1.391.375	1.194.264	-	-	1.883.346	1.629.705
Khấu hao và chi phí phân bổ	586	283	3.396	1.902	21	10	21.348	19.283	-	-	25.351	21.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.573	14.542	25.057	24.350	13.783	13.353	84.721	69.197	-	-	152.134	121.442
Chi phí mua sắm tài sản	1.391	86	1.120	20	-	-	2.305	20.389	-	-	4.816	20.495
Tài sản của bộ phận												
Tổng tài sản											1.289.676	1.152.291
Nợ phải trả bộ phận	(304)	115.813	149	170.012	72	86.930	676.648	209.465	-	-	676.565	582.220
Tổng nợ phải trả											676.565	582.220

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<u>Dịch vụ khử trùng</u>		<u>Kinh doanh nông</u>		<u>Kinh doanh giống cây</u>		<u>Kinh doanh BĐS</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
			<u>dược</u>									
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp nhất												
Từ khách hàng bên ngoài	269.921	272.522	1.466.288	1.202.561	137.661	145.367	9.476	9.255	-	-	1.883.346	1.629.705
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.814	43.815	114.222	75.447	356	(1.236)	4.742	3.416	-	-	152.134	121.442
Chi phí mua sắm tài sản	963	4.099	3.082	13.117	771	3.279	-	-	-	-	4.816	20.495
	<u>Dịch vụ khử trùng</u>		<u>Kinh doanh nông</u>		<u>Kinh doanh giống cây</u>		<u>Kinh doanh BĐS</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	251.514	223.770	804.847	716.065	201.211	179.016	32.104	33.440	-	-	1.289.676	1.152.291

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP TM Nông nghiệp Sông Mê Kông	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Hải Yến	Công ty liên doanh
3. Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.14		
Công ty TNHH Hải Yến	116.500.000.000	116.500.000.000

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty:

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty	7.922.527.971	7.864.440.074
Lương các nhân viên chủ chốt khác của Công ty	1.192.717.461	1.115.088.947
Tổng cộng	9.115.245.432	8.979.529.021

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.004.782.955	146.586.025.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	372.381.141.025	333.588.099.359
Đầu tư tài chính dài hạn khác	1.008.150.000	8.872.200.000
Tổng cộng	566.394.073.980	489.046.325.159
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	80.544.642.030
Phải trả người bán và phải trả khác	546.845.086.292	417.420.146.702
Chi phí phải trả	46.260.135.330	21.395.578.713
Tổng cộng	593.105.221.622	519.360.367.445

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	11.436.539,16	8.487.043,99	101.808,27	170.623,31

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	510.070.039.800	36.775.046.492	546.845.086.292
Chi phí phải trả	46.260.135.330	-	46.260.135.330
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	80.544.642.030	-	80.544.642.030
Phải trả người bán và phải trả khác	380.925.284.333	36.494.862.369	417.420.146.702
Chi phí phải trả	21.395.578.713	-	21.395.578.713

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	372.381.141.025	-	372.381.141.025
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	1.008.150.000	1.008.150.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.588.099.359	-	333.588.099.359
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	8.872.200.000	8.872.200.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

- Ngày 01 tháng 7 năm 2004, Tập đoàn đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại 50 Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Tập đoàn ủy quyền cho Tập đoàn đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại 64 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Tập đoàn đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa bao gồm bất năm khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên.
- Theo Quyết định số 14/CV/2014 ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A, Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A đã thống nhất phê duyệt giải thể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014. Đến thời điểm lập và phát hành báo cáo tài chính này Công ty TNHH MTV Trọng Tín – L.A đã hoàn tất các thủ tục giải thể.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 09 tháng 3 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯƠNG CÔNG CỨ